

TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 16
TỈNH LÂM ĐỒNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 42/2025/DS-ST
Ngày: 08 – 9 - 2025
V/v: “Tranh chấp về thừa kế tài sản”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 16, TỈNH LÂM ĐỒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Dương Thị Mận.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Võ Đăng Tuấn;

2. Ông Lưu Xuân Vĩnh .

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Hồng Ngọc Tú – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 16, tỉnh Lâm Đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 16 – Lâm Đồng tham gia phiên tòa: Bà Đinh Thị Vân Anh – Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 9 năm 2025, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân khu vực 16 – Lâm Đồng xét xử sơ thẩm công khai vụ án Dân sự thụ lý số 63/2024/TLST-DS ngày 19 tháng 3 năm 2024, về việc: “Tranh chấp về thừa kế tài sản”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 40/2025/QĐXXST-DS, ngày 25 tháng 8 năm 2025, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Châu Thị P, sinh năm 1962;

Bị đơn: Ông Châu Văn T, sinh năm 1966;

Cùng địa chỉ: Thôn Đ, xã T, tỉnh Lâm Đồng.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1/ Bà Châu Thị G, sinh năm 1972;

2/ Bà Châu Thị B, sinh năm 1970;

3/ Anh Lê Hồng L, sinh năm 1982;

4/ Chị Cao Thị T1, sinh năm 1985;

Cùng địa chỉ: Thôn Đ, xã T, tỉnh Lâm Đồng.

5/ Bà Huỳnh Thị P1, sinh năm 1964;

6/ Anh Châu Thạch L1, sinh năm 1983;

7/ Chị Châu Thị L2, sinh năm 1994;

8/ Chị Châu Thị T2, sinh năm 1995;

9/ Chị Châu Thị Kim T3, sinh năm 1985;

Cùng địa chỉ: Thôn P, xã H, tỉnh Lâm Đồng.

Tại phiên toà, nguyên đơn, bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Lê Hồng L, bà Châu Thị G, bà Châu Thị B có mặt, những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chị Cao Thị T1, bà Huỳnh Thị P1, anh Châu Thạch L1, chị Châu Thị L2, chị Châu Thị T2, chị Châu Thị Kim T3 vắng mặt đều đã có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, lời khai có trong hồ sơ và tại phiên tòa nguyên đơn bà Châu Thị P trình bày yêu cầu khởi kiện như sau:

Cha ruột bà P là cụ Châu Văn G1, sinh năm 1941, chết năm 1974. Mẹ ruột bà P là cụ Bùi Thị M, sinh năm 1940, chết năm 2020.

Cụ Châu Văn G1 và cụ Bùi Thị M có sáu người con chung là ông Châu Ngọc X (sinh năm 1952, chết năm 2016), bà Châu Thị P, sinh năm 1962, ông Châu Văn T, sinh năm 1966, bà Châu Thị B, sinh năm 1970 và bà Châu Thị G, sinh năm 1972, Châu Văn C (chết lúc nhỏ).

Ông Châu Ngọc X có vợ là bà Huỳnh Thị P1 và các con là anh Châu Thạch L1, chị Châu Thị L2, chị Châu Thị T2 và chị Châu Thị Kim T3.

Khoảng năm 1978, cụ Bùi Thị M được hợp tác xã cấp các diện tích để sử dụng gồm: Đất ở tại thôn Đ, xã Đ (nay là thôn Đ, xã T); đất ruộng ở Đ và đất ruộng ở Sông C. Năm 1995, Ủy ban nhân dân huyện T đã cấp quyền sử dụng đất cho cụ Bùi Thị M các diện tích đất gồm: Thửa đất số 42, tờ bản đồ số 05, đất thổ cư và đất CN (Đào) với diện tích 1.480m²; thửa đất số 85, tờ bản đồ số 05 đất ruộng (1lúa) có diện tích 1.150m²; thửa đất số 06, tờ bản đồ số 03 đất ruộng (2 lúa) có diện tích 1100m²; thửa đất số 493, tờ bản đồ 03 đất ruộng (1 lúa) có diện tích 640m², giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số C 796368, cấp ngày 20 tháng 10 năm 1995.

Ngày 01 tháng 9 năm 2000 khi cụ Bùi Thị M còn khoẻ mạnh, minh mẫn đã lập một “Đơn xin công chứng chúc thư”, trong đó thể hiện ý nguyện cắt toàn bộ đất đai được nhà nước cấp quyền sử dụng đất cho cụ làm hai phần cụ thể: Cắt giao cho Châu Văn T các diện tích đất gồm: 700m² đất thổ cư kể cả căn nhà 36m² hiện có và ruộng 2 vụ tại Đ diện tích 1.100m²; phần còn lại: Đất thổ cư 780m² và căn nhà lá nhỏ do các con gái dựng lên cho mẹ và ruộng một vụ lúa ở Sông C diện tích 1.150m² là tài sản cuối đời của cụ M để lấy đó nuôi sống tuổi già. Khi cụ qua đời, số tài sản này cụ để lại cho con gái Châu Thị P lấy đó làm nguồn hương khói giỗ chạp. Đơn xin công chứng chúc thư của cụ M đã được Ủy ban nhân dân xã Đ chứng thực vào ngày 14 tháng 9 năm 2000.

Năm 2009, cụ M đã thực hiện thủ tục tách thửa đất số 42, tờ bản đồ số 05 thành hai thửa là thửa số 570 có diện tích 720m² và thửa số 571 có diện tích 760m² và đã làm thủ tục tặng cho ông Châu Văn T thửa đất số 570, kèm theo nhà ở trên đất và thửa đất ruộng 2 vụ lúa có diện tích 1.100m² tại thửa số 6, tờ bản đồ số 03. Thủ tục tặng cho quyền sử dụng đất đã hoàn thành đầy đủ về mặt thủ tục,

đồng thời ông T đã nhận, quản lý và sử dụng đối với các diện tích đất nêu trên kèm nhà ở.

Đối với thửa đất số 571 sau khi tách ra từ thửa đất số 42, tờ bản đồ số 05 thì năm 2012 cụ M đã thực hiện thủ tục cấp đổi giấy chứng nhận QSD đất thành thửa đất số 41, tờ bản đồ số 50 có diện tích 885m², giấy chứng nhận QSD đất số BI 916231. Cụ M quản lý, sử dụng thửa đất này và thửa đất ruộng số 85, tờ bản đồ số 05 có diện tích 1.150m².

Ngày 14 tháng 4 năm 2020, cụ Bùi Thị M chết. Trước lúc cụ M chết thì đã giao lại toàn bộ các giấy tờ về đất đai và cả chúc thư cho bà P. Sau khi cụ M chết thì toàn bộ tài sản đất đai còn lại do cụ M đứng tên thì bà P và con trai là anh Lê Hồng L quản lý sử dụng. Qua quá trình bà P và anh L sử dụng đất không ai tranh chấp. Tuy nhiên khi bà P có nguyện vọng sang nhượng một phần diện tích đất do cụ M để lại để lấy nguồn kinh phí sửa sang nhà thờ tự và di dời các phần mộ của những người đã chết thì ông T không đồng ý.

Do đó, Bà P khởi kiện yêu cầu Tòa án công nhận di chúc của cụ Bùi Thị M được thể hiện tại Đơn xin công chứng chúc thư lập ngày 01/9/2000, đối với phần diện tích đất cụ M để thừa kế cho bà P là 780m², thửa đất số 42, tờ bản đồ số 5, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số C 796368, cấp ngày 20/10/1995 đứng tên Bùi Thị M (nay thuộc thửa đất số 41, tờ bản đồ số 50 có diện tích 885m², thuộc giấy chứng nhận QSD đất số BI 916231, cấp ngày 13/4/2012 đứng tên hộ Bùi Thị M và thửa ruộng diện tích 1150m², thửa đất số 85, tờ bản đồ số 5 thuộc giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số C 796368, cấp ngày 20/10/1995 có hiệu lực pháp luật.

Công nhận cho bà P được quyền quản lý sử dụng đối với các thửa đất nêu trên.

Bị đơn ông Châu Văn T trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn như sau:

Ông Châu Văn T là em ruột của bà Châu Thị P.

Ông Châu Văn T xác nhận những nội dung về quan hệ nhân thân của cụ Bùi Thị M như bà Châu Thị P trình bày là đúng.

Về tài sản của cụ M trước đây như bà Châu Thị P trình bày là đúng. Tuy nhiên, về nguồn gốc các diện tích đất mà nhà nước cấp quyền sử dụng đất cho cụ Bùi Thị M trước đây là do ông Châu Văn X1 khai phá. Đến khoảng năm 1978 do ông X1 chuyển về P sinh sống nên bàn giao lại cho mẹ là cụ Bùi Thị M sử dụng. Đến năm 1995 thì cụ M mới được nhà nước cấp quyền sử dụng đối với các thửa đất trên. Tại thời điểm được nhà nước cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì các con của cụ M đều đã lập gia đình ra ở riêng, chỉ còn ông Châu Văn T sống chung và chung hộ khẩu với cụ M. Sau khi ông Thành lập gia đình thì khoảng năm 2010, cụ M đã làm thủ tục tặng cho ông T 720m² đất thổ canh, thổ cư và 01 thửa đất ruộng tại Đ. Thủ tục sang tên đã được thực hiện đầy đủ, ông T đã sử dụng đúng với phần diện tích mà cụ M đã sang tên. Phần diện tích đất còn lại thì cụ M vẫn quản lý, sử dụng. Cho đến khi cụ M già yếu thì bà Châu Thị P cho con trai là

Lê Hồng L về ở và sử dụng đất. Sau khi cụ M chết thì bà P và anh L vẫn sử dụng đất, ông T và những thành viên khác không ai phản đối hay tranh chấp gì.

Về nội dung di chúc như bà P trình bày: Ông T không được biết cụ M lập di chúc từ khi nào, di chúc đó do ai cất giữ. Sau khi cụ M chết thì ông T mới nghe nói đến di chúc.

Đến khoảng năm 2023 thì các anh chị em của ông T gồm: bà Châu Thị P, bà Châu Thị B, bà Châu Thị G xảy ra việc tranh chấp với nhau về di sản do cụ M để lại. Khi được Ủy ban nhân dân xã Đ tổ chức hoà giải thì các anh chị em đã thống nhất cho bà P được tiếp tục sử dụng đất do cụ M để lại làm nơi thờ tự nhưng không được bán.

Hiện nay ông T cũng giữ nguyên ý kiến của mình như khi hoà giải tại xã Đ để cho bà P hoặc con cháu bà P tiếp tục sử dụng canh tác đất đai hiện nay do bà M để lại, ông T không tranh chấp về việc sử dụng đất nhưng đất này để làm nơi thờ tự chứ không được sang nhượng cho người khác. Trong trường hợp có phân chia di sản thì phải chia đều cho các con cụ M.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Châu Thị B và bà Châu Thị G thống nhất trình bày:

Bà Châu Thị B và bà Châu Thị G là con của cụ Bùi Thị M, là em ruột của bà Châu Thị P và ông Châu Văn T.

Về quan hệ nhân thân của cụ Bùi Thị M như bà Châu Thị P trình bày thì bà B và bà G thống nhất.

Về các tài sản mà cụ M trước đây được Nhà nước cấp quyền sử dụng đất như bà P trình bày là đúng.

Về di chúc do cụ M lập năm 2000 là có thực. Tại thời điểm cụ M còn khoẻ mạnh, minh mẫn đã lập “Đơn xin công chứng chúc thư” để phân chia tài sản của cụ. “Đơn xin công chứng chúc thư” này đã được Ủy ban nhân dân xã Đ chứng thực.

Khoảng năm 2010, khi cụ M còn mạnh khoẻ, minh mẫn đã cùng với các con trong gia đình lập thủ tục tặng cho quyền sử dụng đất cho ông Châu Văn T và giao đất đai cho ông T sử dụng. Phần diện tích còn lại thì cụ M sử dụng. Khi cụ M già yếu thì bà Châu Thị P có đưa con trai là Lê Hồng L về ở cùng cụ M và chăm sóc cụ M. Sau khi cụ M chết thì bà P và anh L đã quản lý, sử dụng đất đai còn lại của cụ M, không có ai tranh chấp. Năm 2023, thì bà G và bà B có tham gia hoà giải tại Ủy ban nhân dân xã Đ và thống nhất các tài sản của cụ M còn lại giao cho bà P sử dụng để lo hương khói cho tổ tiên chứ không được bán. Tuy nhiên hiện nay gia đình có nhu cầu cấp thiết cần phải di dời các mộ phần của người thân từ P nên cần bán bớt một phần đất đai lấy nguồn kinh phí thực hiện. Do đó, hiện nay bà B và bà G thống nhất với yêu cầu khởi kiện của bà Châu Thị P, cụ thể là yêu cầu Tòa án công nhận chúc thư của cụ Bùi Thị M và công nhận cho bà Châu Thị P được quyền sử dụng đối với các diện tích đất do cụ M để lại.

Trường hợp nếu có yêu cầu phân chia thì phải chia cả những tài sản mà cụ M đã cho ông T trước đây.

Thể hiện trong hồ sơ vụ án những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:
Bà Huỳnh Thị P1, anh Châu Thạch L1 và chị Châu Thị L2 thống nhất trình bày:

Ông Châu Ngọc X là con ruột của cụ Bùi Thị M. Ông X đã chết năm 2016.

Bà Huỳnh Thị P1 là vợ của ông Châu Ngọc X. Bà P1 và ông X có bốn người con chung là Châu Thạch L1, Châu Thị Kim T3, Châu Thị L2 và Châu Thị Thu .

Khoảng năm 1983, gia đình bà P1, ông X đã chuyển về thôn P, xã H sinh sống không về lại T nên không biết cụ thể về nguồn gốc đất và các tài sản trên đất của cụ Bùi Thị M và cũng không có đóng góp gì đối với các tài sản trên đất.

Đối với đơn xin công chứng chúc thư của cụ Bùi Thị M lập ngày 01/9/2000, thì bà P1, anh L1 và chị L2 không được biết, đề nghị Toà án xem xét hiệu lực của văn bản này theo quy định của pháp luật.

Ngoài ra bà P1, anh L1 và chị L2 không có ý kiến hay yêu cầu gì trong vụ án.

Thể hiện trong hồ sơ vụ án Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:
Chị Châu Thị Kim T3 và chị Châu Thị T2: Toà án đã tiến hành tổng đạt thông báo thụ lý và giấy triệu tập làm việc nhưng chị T3 và chị L2 không đến Toà án làm việc để trình bày ý kiến. Trong đơn yêu cầu giải quyết, xét xử vắng mặt chị T3 và chị T2 đều trình bày: Đề nghị Toà án xét xử vắng mặt do không liên quan và không có yêu cầu quyền lợi trong vụ án này.

Thể hiện trong hồ sơ người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: anh Lê Hồng L, chị Cao Thị T1 trình bày:

Anh Lê Hồng L là con ruột của bà Châu Thị P. Chị Cao Thị T1 là vợ của anh Lê Hồng L.

Sau khi anh L và chị T1 kết hôn, năm 2009, anh L và chị T1 về ở chung với cụ Bùi Thị M và chăm sóc cụ M cho đến lúc cụ M chết. Trong quá trình chung sống với cụ M thì anh L và chị T1 có đầu tư xây dựng hàng rào bao quanh đất (trừ phần giáp ranh với đất ông Châu Văn T) và công rào, mái vòm phục vụ cho việc mở xưởng điều.

Hiện nay anh L và chị T1 thống nhất theo yêu cầu khởi kiện của bà Châu Thị P, đề nghị Toà án công nhận di chúc của cụ Bùi Thị M và công nhận cho bà P được quyền sử dụng đối với các tài sản do cụ M để lại là thửa đất số 41, tờ bản đồ số 50 có diện tích 885m², thuộc giấy chứng nhận QQSD đất số BI 916231, cấp ngày 13/4/2012 đứng tên hộ Bùi Thị M và thửa ruộng diện tích 1150m², thửa đất số 85, tờ bản đồ số 5 thuộc giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số C 796368, cấp ngày 20/10/1995 cho cụ Bùi Thị M.

Liên quan đến các tài sản mà anh L, chị T1 đã đầu tư xây dựng trên đất thì hiện tại anh L, chị T1 chưa có yêu cầu gì, trong trường hợp có yêu cầu thì anh L, chị T1 sẽ thực hiện quyền khởi kiện sau.

Những chứng cứ, tài liệu các đương sự cung cấp và tài liệu chứng chứng Toà án thu thập trong hồ sơ vụ án:

- Chứng cứ nguyên đơn cung cấp: 01 đơn xin công chứng chúc thư đề ngày 01 tháng 9 năm 2000 có chứng thực; 01 bản sao có công chứng giấy chứng nhận QSD đất số C 796368; Bản sao có công chứng giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BI 916231; trích lục khai tử của ông Châu Văn G1; trích lục khai tử của bà Bùi Thị M; Trích lục khai tử của ông Châu Ngọc X;

- Chứng cứ bị đơn cung cấp: Bản phô tô biên bản hoà giải tranh chấp đất đai theo chúc thư giữa Châu Thị P, Châu Thị G, Châu Thị B và Châu Văn T ngày 07/11/2023;

- Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không cung cấp tài liệu, chứng cứ;

- Chứng cứ Toà án thu thập: Thẩm định tại chỗ; đo đạc; thu thập hồ sơ tại Chi nhánh văn phòng Đ; Ủy thác cho Toà án nhân dân huyện Hàm Thuận Bắc – Bình Thuận tiến hành một số hoạt động thu thập chứng cứ, công khai chứng cứ, hoà giải.

Những tình tiết mà các đương sự thống nhất với nhau:

- Về quan hệ nhân thân của cụ Bùi Thị M;

- Về các di sản do cụ M để lại gồm: thửa đất số 41, tờ bản đồ số 50 có diện tích 885m², thuộc giấy chứng nhận QSD đất số BI 916231, cấp ngày 13/4/2012 đứng tên hộ Bùi Thị M và thửa ruộng diện tích 1150m², thửa đất số 85, tờ bản đồ số 5 thuộc giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số C 796368, cấp ngày 20/10/1995

Những tình tiết mà các đương sự chưa thống nhất với nhau:

Nguyên đơn yêu cầu Toà án công nhận di chúc của bà Bùi Thị M tại Đơn xin công chứng chúc thư lập ngày 01/9/2000, đối với phần diện tích đất cụ M để thừa kế cho bà P là 780m², thửa đất số 42, tờ bản đồ số 5, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số C 796368, cấp ngày 20/10/1995 đứng tên Bùi Thị M (nay thuộc thửa đất số 41, tờ bản đồ số 50 có diện tích 885m², thuộc giấy chứng nhận QSD đất số BI 916231, cấp ngày 13/4/2012 đứng tên hộ bà Bùi Thị M và thửa ruộng diện tích 1150m², thửa đất số 85, tờ bản đồ số 5 thuộc giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số C 796368, cấp ngày 20/10/1995 có hiệu lực pháp luật.

Bị đơn không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, chỉ chấp nhận cho nguyên đơn được tiếp tục sử dụng các thửa đất số 41, tờ bản đồ số 50 có diện tích 885m², thuộc giấy chứng nhận QSD đất số BI 916231, cấp ngày 13/4/2012 đứng tên hộ Bùi Thị M và thửa ruộng diện tích 1150m², thửa đất số 85, tờ bản đồ số 5 chứ không đồng ý cho nguyên đơn thực hiện các giao dịch liên quan đến quyền sử dụng đất.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 16 phát biểu ý kiến như sau:

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán: Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán đã tuân thủ các quy định về pháp luật tố tụng dân sự;

- Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký: Tại phiên tòa Hội đồng xét xử, Thư ký đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm và đảm bảo đúng nguyên tắc xét xử;

- Việc chấp hành pháp luật của đương sự trong vụ án: Từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa, các đương sự đã thực hiện đủ về quyền và nghĩa vụ đương sự theo Bộ luật dân sự tố tụng dân sự.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Áp dụng khoản 2 Điều 26, khoản 1 Điều 35 và các Điều 146, 147, 157, 165, 203, 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự 2015; Điều 609, 612, 613, 623, 628, 630, 631, 634 Bộ luật dân sự 2015; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016;

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Châu Thị P về việc công nhận hiệu lực của Đơn xin công chứng chúc thư ngày 01/9/2000 của bà Bùi Thị M.

Công nhận diện tích 780m², thửa đất số 42, tờ bản đồ số 5, giấy CNQSD đất số C 796368, cấp ngày 20/10/1995, đứng tên Bùi Thị M (nay thuộc thửa đất số 41, tờ bản đồ số 50 có diện tích theo đo đạc thực tế là 892,5m², thuộc giấy chứng nhận QSD đất số BI 916231, cấp ngày 13/4/2012, đứng tên hộ Bùi Thị M) và thửa đất ruộng có diện tích 1.150m² thửa đất số 85, tờ bản đồ số 5, thuộc Giấy chứng nhận đất số C 796368, ngày 20/10/1995 đứng tên Bùi Thị M cho bà Châu Thị P.

Về án phí: Ông Châu Văn T phải nộp án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa, nguyên đơn, bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Châu Thị B, Châu Thị G, Lê Hồng L có mặt; Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Huỳnh Thị P1, Châu Thạch L1, Châu Thị L2, Châu Thị T2, Châu Thị Kim T3 vắng mặt đều đã có đơn xin xét xử vắng mặt. Do đó Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 227; Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về quan hệ pháp luật:

Theo đơn khởi kiện, nguyên đơn yêu cầu công nhận di chúc thể hiện tại “Đơn xin công chứng chúc thư” lập ngày 01/9/2000 của cụ Bùi Thị M và yêu cầu công nhận cho nguyên đơn được quyền quản lý, sử dụng đối với tài sản được hưởng theo di chúc. Các đương sự khác trong vụ án không có yêu cầu nào khác. Do đó, Hội đồng xét xử xác định quan hệ tranh chấp trong vụ án là “*Tranh chấp về thừa kế tài sản*” theo quy định tại khoản 5 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn có nơi cư trú tại thôn Đ, xã Đ, huyện T, tỉnh Bình Thuận (nay là xã T, tỉnh Lâm Đồng). Do đó vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 16, tỉnh Lâm Đồng theo quy định tại khoản 2 Điều 1 Luật số 85/2025/QH15 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật tố tụng dân sự, Luật tố tụng hành chính, Luật tư pháp người chưa thành niên, Luật phá sản và Luật hoà giải, đối thoại tại Tòa án và khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 3 Nghị quyết số 81/2025/UBTVQH15 Nghị quyết thành lập Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Tòa án nhân dân khu vực, quy định phạm vi thẩm quyền theo lãnh thổ của Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Tòa án nhân dân khu vực.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn – bà Châu Thị P:

Nguyên đơn vẫn giữ yêu cầu khởi kiện yêu cầu Toà án công nhận di chúc của cụ Bùi Thị M tại “Đơn xin công chứng chúc thư” lập ngày 01/9/2000, đối với phần diện tích đất cụ M để thừa kế cho bà P là 780m², thửa đất số 42, tờ bản đồ số 5, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số C 796368, cấp ngày 20/10/1995 đứng tên Bùi Thị M (nay thuộc thửa đất số 41, tờ bản đồ số 50 có diện tích 885m², thuộc giấy chứng nhận QQSD đất số BI 916231, cấp ngày 13/4/2012 đứng tên hộ Bùi Thị M) và thửa ruộng diện tích 1150m², thửa đất số 85, tờ bản đồ số 5 thuộc giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số C 796368, cấp ngày 20/10/1995 có hiệu lực pháp luật.

Công nhận cho bà P được quyền quản lý, sử dụng đối với các thửa đất nêu trên.

Bị đơn đồng ý cho nguyên đơn tiếp tục sử dụng các thửa đất do cụ M để lại do từ trước đến nay nguyên đơn vẫn sử dụng nhưng yêu cầu không được thực hiện giao dịch liên quan đến quyền sử dụng đất như sang nhượng, tặng cho người khác. Trường hợp phân chia thừa kế thì phải thực hiện phân chia đồng đều cho các đồng thừa kế.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đều thống nhất theo yêu cầu của nguyên đơn và không ai có yêu cầu gì khác trong vụ án.

Xét về hiệu lực của “Đơn xin công chứng chúc thư” do cụ Bùi Thị M lập ngày 01/9/2000”

Theo đơn xin công chứng chúc thư đề ngày 01 tháng 9 năm 2000 thể hiện: Tại thời điểm cụ Bùi Thị M lập di chúc còn mạnh khỏe, đầu óc, tinh thần minh mẫn. Thời điểm này, chồng cụ M đã chết, sáu người con thì đã chết một người, còn năm người.

Tài sản cụ M có tại điểm lập di chúc gồm: Đất thổ cư 1.480m², một nhà 36m², mái ngói vách ván; ruộng 2 vụ lúa diện tích 1.100m² tại Đ; ruộng 01 vụ lúa diện tích 1.150m² tại Sông C. Các tài sản này, cụ Bùi Thị M đã được UBND huyện T, tỉnh Bình Thuận cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số C 796368, ngày 20/10/1995.

Đối với các tài sản nêu trên cụ M cắt thành hai phần chia cho hai người con cụ thể:

Giao cho ông Châu Văn T 700m² đất thổ cư kể cả căn nhà 36m² hiện có và ruộng 2 vụ tại Đ diện tích 1.100m².

Phần còn lại: 780m² đất thổ cư và căn nhà lá nhỏ do các con gái dựng lên cho mẹ, R một vụ lúa ở Sông C diện tích 1.150m² cụ M giao cho con gái Châu Thị P lấy đó làm nguồn hương khói, giỗ chạp.

Người lập di chúc cụ Bùi Thị M đã ký tên điểm chỉ vào bản di chúc này. Đồng thời bản di chúc này được chứng thực tại UBND xã Đ, huyện T ngày 14/9/2000.

Trong quá trình tố tụng và tại phiên toà, các đương sự thừa nhận quan hệ nhân thân cũng như các tài sản cụ M được thể hiện trong đơn xin chúc thư đúng với thực tế. Sau khi cụ M chết, nội dung chúc thư này được công bố cho các thành viên trong gia đình được biết và không ai có ý kiến phản đối.

Như vậy, di chúc của cụ Bùi Thị M lập được thể hiện qua “Đơn xin công chứng chúc thư” ngày 01/9/2000, được UBND xã Đ chứng thực ngày 14/9/2000 đáp ứng các điều kiện có hiệu lực theo quy định tại các Điều 630, 635 Bộ luật dân sự năm 2015. Do đó, cần công nhận hiệu lực của bản di chúc này.

Sau khi bản chúc thư được lập và thực hiện chứng thực tại UBND xã Đ, một phần trong nội dung di chúc của cụ M đã được thực hiện vào năm 2010, cụ thể: Năm 2009, cụ M đã thực hiện thủ tục tách thửa đất số 42, tờ bản đồ số 05 thành hai thửa là thửa số 570 có diện tích 720m² và thửa số 571 có diện tích 760m² và đã làm thủ tục tặng cho ông Châu Văn T thửa đất số 570, kèm theo nhà ở trên đất và thửa đất ruộng 2 vụ lúa có diện tích 1.100m² tại thửa số 6, tờ bản đồ số 03 (thửa đất ruộng tại Đ). Thủ tục tặng cho quyền sử dụng đất đã hoàn thành đầy đủ về mặt thủ tục, đồng thời ông T đã nhận, quản lý và sử dụng đối với các diện tích đất nêu trên kèm nhà ở.

Đối với thửa đất số 571 sau khi tách ra từ thửa đất số 42, tờ bản đồ số 05 thì năm 2012 cụ M đã thực hiện thủ tục cấp đổi giấy chứng nhận QSD đất thành thửa đất số 41, tờ bản đồ số 50 có diện tích 885m², giấy chứng nhận QSD đất số BI 916231. Cụ M quản lý, sử dụng thửa đất này và thửa đất ruộng số 85, tờ bản đồ số 05 có diện tích 1.150m².

Tại thời điểm mở thừa kế (thời điểm cụ M chết), các di sản của cụ M còn lại sau khi đã giao một phần cho ông Châu Văn T là: thửa đất số 41, tờ bản đồ số 50 có diện tích 885m², giấy chứng nhận QSD đất số BI 916231 và thửa đất ruộng số 85, tờ bản đồ số 05 có diện tích 1.150m² (ruộng S), giấy chứng nhận QSD đất số C 796368. Thời điểm này, cha mẹ và chồng cụ M đều đã chết, các con của cụ M đều đã trưởng thành và lập gia đình riêng nên không có người thừa kế không phụ thuộc vào nội dung di chúc theo quy định tại khoản 1 Điều 644 Bộ luật dân sự.

Từ các căn cứ nêu trên, xét thấy: Yêu cầu về việc công nhận hiệu lực một phần nội dung di chúc còn lại của cụ Bùi Thị M thể hiện qua “Đơn xin công chứng chúc thư” đề ngày 01/9/2000 đối với phần nội dung bà P được hưởng thừa kế đối với phần tài sản còn lại của cụ M là phù hợp với ý chí của người đã chết (Cụ M) và phù hợp với quy định của Bộ luật dân sự nên cần được chấp nhận.

Đối với các di sản do cụ M để lại cho bà Châu Thị P:

Theo “Đơn xin công chứng chúc thư” lập ngày 1/9/2000 được chứng thực tại UBND xã Đ, huyện T thể hiện: Đất thổ cư 780m² và ruộng một vụ lúa ở Sông C diện tích 1.150m².

Năm 2012, khi cụ M còn sống, cụ M đã làm thủ tục cấp đổi sổ thì 780m² đất thổ cư thửa đất số 42, tờ bản đồ số 5, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số

C 796368 thành thửa đất số 41, tờ bản đồ số 50 có diện tích 885m², giấy chứng nhận QSD đất số BI 916231.

Theo kết quả đo đạc của Chi nhánh văn phòng Đ ngày 14/10/2024 thì thửa đất số 41, tờ bản đồ số 50 có diện tích 892,5m²; thửa đất ruộng số 85, tờ bản đồ số 5, giấy chứng nhận QSD đất số C796368 có diện tích 1.430,9m². Quá trình sử dụng đất các bên đương sự xác định sử dụng đúng ranh giới, hiện trạng, vị trí tứ cận, không xảy ra tranh chấp với ai. Diện tích tại các thửa đất tăng là do sai số trong đo đạc.

Hiện nay, bà Châu Thị P là người đang trực tiếp quản lý, sử dụng đối với các di sản do cụ M để lại. Do đó khi công nhận phần hiệu lực di chúc của cụ M cho bà P thì cần giao cho bà Châu Thị P được quyền quản lý sử dụng đối với di sản là thửa đất số 41, tờ bản đồ số 50 có diện tích 885m², thuộc giấy chứng nhận QSD đất số BI 916231, cấp ngày 13/4/2012 đứng tên hộ bà Bùi Thị M (Theo kết quả đo đạc của Chi nhánh văn phòng Đ, ngày 24/10/2024 thì thửa đất này có diện tích 892,5m²) và thửa đất số 85, tờ bản đồ số 5 thuộc giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số C 796368 có diện tích 1.150m² (Theo kết quả đo đạc của Chi nhánh văn phòng Đ, ngày 24/10/2024 thì thửa đất này có diện tích 1430m²). Đồng thời bà P có trách nhiệm liên hệ với Cơ quan nhà nước có thẩm quyền để làm thủ tục điều chỉnh tên chủ sử dụng theo quy định của pháp luật đất đai.

[4] Về chi phí tố tụng: Trong quá trình tố tụng, nguyên đơn bà Châu Thị P đã nộp tạm ứng các chi phí tố tụng gồm: Chi phí đo đạc, chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ. Tại phiên toà, nguyên đơn đồng ý tự chịu các chi phí tố tụng nên Hội đồng xét xử không giải quyết nghĩa vụ chịu chi phí tố tụng trong bản án này.

[5] Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn bà Châu Thị P được chấp nhận nên bị đơn ông Châu Văn T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại các Điều 146, 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 5 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 39, các Điều 146, 147, 157, 165, Điều 203, khoản 1 Điều 228; Điều 235, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

- Khoản 2 Điều 1 Luật số 85/2025/QH15 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật tố tụng dân sự, Luật tố tụng hành chính, Luật tư pháp người chưa thành niên, Luật phá sản và Luật hoà giải, đối thoại tại Tòa án ;

- Khoản 2 Điều 3 Nghị quyết số 81/2025/UBTVQH15 Nghị quyết thành lập Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Tòa án nhân dân khu vực, quy định phạm vi thẩm quyền theo lãnh thổ của Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Tòa án nhân dân khu vực.

- Các Điều Điều 630, 635, 644 Bộ luật dân sự;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Châu Thị P.

Công nhận hiệu lực của “Đơn xin công chứng chúc thư” do bà Bùi Thị M ngày 01/9/2000, được chứng thực tại UBND xã Đ ngày 14/9/2000.

Giao cho bà Châu Thị P được quyền sử dụng đối với di sản do cụ Bùi Thị M để lại là thửa đất số 41, tờ bản đồ số 50 có diện tích 885m², thuộc giấy chứng nhận QSD đất số BI 916231, cấp ngày 13/4/2012 đứng tên hộ bà Bùi Thị M (Theo kết quả đo đạc của Chi nhánh văn phòng Đ, ngày 24/10/2024 thì thửa đất này có diện tích 892,5m²) và thửa đất số 85, tờ bản đồ số 5 có diện tích 1.150m² thuộc giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số C 796368 cấp ngày 20/10/1995 đứng tên Bùi Thị M (Theo kết quả đo đạc của Chi nhánh văn phòng Đ, ngày 24/10/2024 thì thuộc thửa đất số 89, tờ bản đồ số 19 có diện tích 1430m²).

Bà Châu Thị P có trách nhiệm liên hệ với Cơ quan nhà nước có thẩm quyền để làm thủ tục điều chỉnh tên chủ sử dụng theo quy định của pháp luật đất đai.

2. Về án phí: Ông Châu Văn T phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm sung vào Ngân sách nhà nước.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 8/9/2025); Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết tại nơi cư trú.

Trường hợp bản án có hiệu lực được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND khu vực 16 – Lâm Đồng;
- Thi hành án dân sự tỉnh Lâm Đồng;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Dương Thị Mận